

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRĂNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/HNGĐ-ST

Ngày 01-4-2022

V/v “Ly hôn tranh chấp nuôi con,
chia tài sản chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRĂNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tấn Minh

2. Bà Nguyễn Thị Liêm

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Hữu Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trăng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trăng Bàng tham gia phiên tòa:**
Ông Nguyễn Văn Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trăng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 764/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Đồng Phúc Ph, sinh năm: 1986; địa chỉ: Thôn PS, xã PĐ, thành phố NT, tỉnh Khánh Hoà. Tạm trú: Ấp PT, xã PC, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh, (có mặt);

- *Bị đơn:* Chị Hồ Thị K, sinh năm: 1992; địa chỉ: Ấp TT, xã TP, huyện CL, tỉnh Tiền Giang. Tạm trú: Ấp PT, xã PC, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh. Nơi cư trú: Khu phố HH, phường AH, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh, (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09-12-2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Đồng Phúc Ph trình bày:

- *Về hôn nhân:* Anh và chị Hồ Thị K tự nguyện có tổ chức lễ cưới với nhau vào năm 2014, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại xã TP, huyện CL, tỉnh Tiền Giang. Ngày cưới bên chồng có cho 01 đôi bông tai, 01 sợi dây chuyền, cặp nhẫn cưới, nhưng vợ chồng bán chi phí hết. Cưới xong vợ chồng thuê nhà trọ ở đi làm công nhân, năm 2019 vợ chồng mua đất xây nhà ở riêng tại Ấp PT, xã PC, thị xã TB, tỉnh

Tây Ninh. Thời gian chung sống đến ngày 19-10-2020 xảy ra mâu thuẫn, do anh thấy tin nhắn của vợ với người đàn ông khác, nói chuyện tình cảm với nhau, anh có khuyên ngăn, nhưng vợ không nghe mà bỏ nhà ra đi, vợ chồng sống ly thân đến nay. Thời gian này vợ có trở về nhà ở 03 ngày, anh có khuyên vợ về ở lại, nhưng vợ không chịu mà bỏ đi luôn. Ngày 23-11-2020 anh về bên vợ thì bắt gặp vợ đang nằm chung với người tình tên Võ Minh N, ở Long An, anh không biết năm sinh, địa chỉ cụ thể, anh có mời Công an xã đến lập biên bản và anh có quay lại đoạn elip hai người đang nằm chung giường. Nay anh thấy vợ chồng không còn tình cảm, cũng không thể sống chung được nữa. Nên anh yêu cầu xin ly hôn với chị K.

- *Về con chung*: Có 01 con tên Đồng Phúc Th, sinh ngày 14-6-2015, hiện anh đang nuôi, anh yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung*: Có căn nhà tường cấp 4, nền gạch men, mái lol, ngang 4,5m, dài 19m, xây trên đất diện tích ngang 05m, dài hơn 40m (theo giấy đất là 209,1m²) đất do hai vợ chồng đứng tên. Số tài sản trên anh đang quản lý, anh yêu cầu được quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất, anh có trách nhiệm thôi lại cho chị K 300.000.000 đồng. Tại phiên tòa anh đồng ý chia cho chị K số tiền 200.000.000 đồng.

- *Về nợ chung*: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Về kết quả Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 18-11-2021 và Biên bản định giá tài sản ngày 13-01-2022, anh đồng ý không có ý kiến gì khác.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 12-02-2021, Đơn khởi kiện chia tài sản chung ngày 12-4-2021 và qua làm việc bị đơn chị Hồ Thị K trình bày: Chị xác nhận lời trình bày của anh Ph về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, con chung, tài sản chung là đúng, vợ chồng sống không có nợ ai. Về mâu thuẫn vợ chồng là vào tháng 9-2020 do anh Ph không lo làm ăn, mà thường xuyên ăn nhậu, chị nói thì anh chửi mắng, chị khuyên can nhiều lần nhưng anh không nghe, cuộc sống không hạnh phúc nên tự chị bỏ đi về nhà mẹ ruột ở, vợ chồng sống ly thân từ tháng 9-2020. Việc anh Ph nói bắt gặp chị nằm ngủ chung với người đàn ông khác là có, tên Võ Minh N, ở Long An, chị không biết năm sinh, địa chỉ cụ thể, anh Ph có mời Công an xã đến lập biên bản. Sau đó chị có về nhà thăm con, nhưng anh Ph chửi đuổi nên chị đi luôn. Nay anh Ph xin ly hôn, chị đồng ý ly hôn.

- *Về con chung*: Có 01 con như anh Ph khai là đúng, chị đồng ý giao anh Ph nuôi, chị không cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Có căn nhà tường cấp 4, nền gạch men, mái lol, ngang 4,5m, dài 19m, xây trên đất diện tích ngang 05m, dài hơn 40m (theo giấy đất là 209,1m²), đất do hai vợ chồng đứng tên. Số tài sản trên anh Ph đang quản lý, chị yêu cầu chia đôi, nhưng chị nhận giá trị tài sản là 400.000.000 đồng thôi.

- *Về nợ chung*: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Theo kết quả Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 18-11-2021 và Biên bản

định giá tài sản ngày 13-01-2022, chị đồng ý không có ý kiến gì khác.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn của anh Ph đối với chị K; về con chung: Ghi nhận sự thoả thuận của anh chị là giao anh Ph tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu tên Đồng Phúc Th, sinh ngày 14-6-2015, chị K không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung: Giao anh Ph được sở hữu, sử dụng 01 căn nhà tường cấp 4, nền gạch men, mái tole, ngang 4,6m, dài 19,2m, cùng các công trình phụ gắn liền với đất diện tích 209,1m², loại đất trồng lúa, thửa 794, tờ bản đồ 42, toạ lạc ấp PT, xã PC, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh, tất cả trị giá 923.988.000 đồng, do anh Ph, chị K đứng tên giấy đất, hiện anh Ph đang quản lý, sử dụng. Anh Ph có trách nhiệm thanh toán giá trị tài sản cho chị K theo quy định của pháp luật; nợ chung: Không có nên không giải quyết; anh Ph, chị K phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Anh Đồng Phúc Ph xin ly hôn với chị Hồ Thị K, chị K có hộ khẩu thường trú tại ấp PT, xã PC, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh, nên Tòa án thị xã Trảng Bàng thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; chị K có đơn khởi kiện tranh chấp chia tài sản chung nên Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định tại Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân:* Anh Ph và chị K tự nguyện tổ chức lễ cưới với nhau vào năm 2014, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và không còn quan hệ tình cảm với nhau từ tháng 9 năm 2020.

Xét thấy, do anh chị sống không phù hợp, không tôn trọng lẫn nhau, anh chị hay lời qua tiếng lại cãi vã nhau, cuộc sống không hạnh phúc, chị K đi làm có quen biết người khác và nhắn tin tình cảm qua lại với nhau, anh Ph thấy tin nhắn thì có khuyên ngăn, nhưng chị K không nghe mà bỏ đi về nhà cha mẹ ruột ở từ tháng 9 năm 2020, ngày 23-11-2020 anh Ph bắt gặp chị K đang nằm chung với người đàn ông khác, nên có chụp ảnh và báo chính quyền địa phương đến lập biên bản, hiện nay chị K đang tạm trú tại Khu phố HL, phường AH, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh để đi làm công nhân, vợ chồng sống ly thân từ tháng 9-2020 đến nay. Qua hoà giải chị K đồng ý ly hôn với anh Ph. Chứng tỏ mâu thuẫn của anh chị đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, nên cần ghi nhận sự

thuận tình ly hôn của anh chị là phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Có 01 con tên Đồng Phúc Th, sinh ngày 14-6-2015, hiện anh Ph đang nuôi, anh yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng. Chị K đồng ý theo yêu cầu của anh Ph. Xét thấy anh chị thoả thuận tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân gia đình nên ghi nhận.

[4] *Về tài sản chung*: Anh chị thống nhất có căn nhà, công trình phụ gắn liền với đất, tất cả trị giá 923.988.000 đồng, chị K yêu cầu được chia số tiền 400.000.000 đồng. Anh Ph đồng ý chia số tiền 200.000.000 đồng.

Qua thẩm định và định giá tài sản tranh chấp thể hiện:

- Quyền sử dụng đất thửa 794, tờ bản đồ 42 (BĐ 2005), diện tích 209,1m², ngang 5m, dài cạnh giáp thửa 138 dài 46,60m, cạnh giáp thửa 141, dài 45,19m, đất toạ lạc tại Ấp PT, xã PC, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh. Trị giá 600.000.000 đồng;

- 01 căn nhà tường xây chưa tô nền gạch men, mái tole, diện tích 4,6 x 19,2m, trị giá 300.064.000 đồng;

- 01 sân xi măng diện tích 5m x 12m, trị giá 6.000.000 đồng;

- 01 nhà vệ sinh diện tích 2,75 x 2m, trị giá 14.564.000 đồng;

- 01 sân lát gạch men, diện tích 17,5m, trị giá 3.360.000 đồng.

Tổng cộng nhà, đất và công trình phụ gắn liền trên đất trị giá 923.988.000 đồng.

Xét thấy, nguồn gốc tài sản chung là của vợ chồng tạo lập nên, về nguyên tắc là chia đôi, có xem xét công sức đóng góp của mỗi bên và có xem xét lỗi của mỗi bên. Do chị K có lỗi là vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng nên cần xem xét chia khối tài sản chung theo tỷ lệ 6/4, anh Ph 6 phần, chị K 4 phần là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 59, Điều 62 của Luật hôn nhân và gia đình.

Vậy tổng tài sản trị giá 923.988.000 đồng, chia cho chị K 04 phần tương ứng số tiền 369.595.000 đồng; chia cho anh Ph 6 phần tương ứng số tiền 554.393.000 đồng. Do căn nhà anh Ph đang quản lý sử dụng và anh đang nuôi con nhỏ, nên giao cho anh Ph được quyền sở hữu căn nhà và được quyền sử dụng đất, anh Ph có trách nhiệm thanh toán lại cho chị K số tiền chia tài sản là 369.595.000 đồng là phù hợp.

[5] *Về nợ chung*: Anh chị khai không có, không yêu cầu nên không giải quyết.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[6] *Về chi phí tố tụng*: Chi phí thẩm định và định giá tài sản số tiền 3.950.000 đồng, chia hai mỗi người chịu 1.975.000 đồng. Ghi nhận chị K đã nộp 3.950.000 đồng, nên số tiền anh Ph nộp sẽ hoàn trả lại cho chị K.

[7] *Về án phí sơ thẩm ly hôn*: Anh Ph chịu 300.000 đồng và 26.175.700 đồng án phí chia tài sản, cộng hai khoản là 26.475.700 đồng; chị K chịu 18.479.800 đồng theo quy định tại khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 157, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 55, 59, 62, 81 và 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Đồng Phúc Ph với chị Hồ Thị K.

2. Về con chung: Giao cháu Đồng Phúc Th, sinh ngày 14-6-2015 cho anh Đồng Phúc Ph được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận anh Ph không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Chị Hồ Thị K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về nợ chung: Anh Ph, chị K khai không có, không yêu cầu, nên không giải quyết.

Tuyên xử:

4. Về tài sản chung: Chia cho anh Đồng Phúc Ph được quyền sử dụng đất thửa 794, tờ bản đồ 42 (BĐ 2005), diện tích 209,1m² (ngang 5m, dài cạnh giáp thửa 138 dài 46,60m, cạnh giáp thửa 141, dài 45,19m), đất tọa lạc tại Ấp PT, xã PC, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh. Đất có tứ cận như sau: Đông giáp: Đường 786; Tây giáp: đất ông Nh; Nam giáp: đất ông L; Bắc giáp: đất ông B, trị giá 600.000.000 đồng. Và được quyền sở hữu số tài sản gồm: 01 căn nhà tường xây chưa tô, nền gạch men, mái tole, diện tích 4,6 x 19,2m, trị giá 300.064.000 đồng; 01 sân xi măng, trị giá 6.000.000 đồng; 01 nhà vệ sinh, trị giá 14.564.000 đồng; 01 sân lót gạch men, trị giá 3.360.000 đồng. Tất cả tài sản trên gắn liền với đất thửa 794, hiện anh Ph đang quản lý. Tổng cộng đất, nhà và công trình phụ trên đất trị giá 923.988.000 đồng.

Anh Ph có trách nhiệm thanh toán lại cho chị K tiền chia tài sản là 369.595.000 (Ba trăm sáu mươi chín triệu năm trăm chín mươi lăm nghìn) đồng.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất anh Ph, chị K đứng tên, nên anh Ph, chị K có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chuyển quyền cho anh Ph.

Kiến nghị các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi, điều chỉnh, chuyển quyền sử dụng đất số vào sổ GCN: CS07183 ngày 11-7-2019 do Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp cho ông Đồng Phúc Ph, bà Hồ Thị K theo Bản án của Toà án đã có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí: Anh Đồng Phúc Ph chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn và 26.175.700 đồng án phí chia tài sản, cộng hai khoản là 26.475.700 đồng. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí anh Ph đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo Biên lai thu số 0015019 ngày 29-12-2020. Anh Ph còn phải nộp 26.175.700 (*Hai mươi sáu triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn bảy trăm*) đồng án phí.

Chị Hồ Thị K chịu 18.479.800 đồng tiền án phí chia tài sản. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị K đã nộp 10.000.000 (*Mười triệu*) đồng theo Biên lai thu số 0015278 ngày 12-4-2021. Chị K còn phải nộp 8.479.800 (*Tám triệu bốn trăm bảy mươi chín nghìn tám trăm*) đồng tiền án phí.

Tất cả Biên lai thu của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng.

6. Về chi phí tố tụng: Chị K và anh Ph mỗi người chịu 1.975.000 (*Một triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn*) đồng. Ghi nhận chị K đã nộp 3.950.000 đồng, nên số tiền anh Ph nộp sẽ hoàn trả lại cho chị K.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

“Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND xã TP, huyện CL, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị An